TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày: 22 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NDÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Viết Hải
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông: Phạm Văn Ngọc
Bà: Đậu Thị Phú

- *Thư ký phiên tòa:* bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2019/TLST - HSST ngày 05 tháng 04 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST - HS ngày 08/5/2019, đối với:

Bị cáo: **Phạm Thị Hải N** (Tên gọi khác: V), sinh ngày 27/8/1985 tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 5, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Phạm Văn H và bà: Đinh Thị H; có chồng: Lê Nguyên Cao S (Đã ly hôn) và 02 người con: lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 23/01/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: ông Nguyễn N ***(tên gọi khác: Nguyễ***n Văn N***), sinh năm 1929; trú tạ***i: thôn P, xã Q***, huyệ***n Q***, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;***

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Diệu L ***- Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt;***

- *Những người làm chứng*:

1. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1945; Trú tại: Thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

2. Ông Nguyễn B, sinh năm 1958; Trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 24/11/2018, Phạm Thị Hải N điều khiển xe mô tô chở mật ong đến bán tại chợ Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, ông Nguyễn N điều khiển xe máy điện biển kiểm soát 73MĐ4 - 020.94 đến chợ Quảng Tiến, huyện Quảng Trạch để mua đồ dùng. Khi đến chợ, ông Ndựng xe cách cổng chợ khoảng 25 mét, khóa xe lại và bỏ chìa khóa vào túi áo. Do có mối quan hệ quen biết từ trước với N nên khi vào chợ, ông N đến quầy bán hàng mật ong của N để ngồi chơi. Khi ông N ngồi xuống chiếc ghế nhựa của N thường ngồi để bán hàng thì chìa khóa xe máy điện bị rơi ra ở vị trí bên phải ông N. Lúc này, N phát hiện và nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện nhằm mục đích đem về cho con trai sử dụng, nên đã lén lút lấy chiếc chìa khóa xe máy điện của ông Nrồi nói với ông Nhân: "nhờ ông xem hàng để tui đi mua đồ cái", ông N nhận lời. N đi mua đồ ăn rồi đưa lại treo trên xe mô tô của N dựng ở gần quầy, phát hiện ông N không để ý nên N liền đi đến vị trí để xe máy điện của ông Nhân, mở khóa và điều khiển xe đến gửi tại nhà bà Lê Thị Y cách chợ Q khoảng 01km. Sau khi gửi xe, N quay lại quầy thì ông Nhỏi "mi có lấy chìa khóa xe tau không?", N trả lời "không lấy", nên ông N bỏ đi về, còn N dọn hàng lên xe mô tô của mình rồi điều khiển xe đi về nhà. Sau đó, N xin nhờ xe của một người đi đường chở ra cầu K thuộc phường Q, thị xã B rồi thuê xe ôm chở đến nhà chị Y lấy xe máy điện và điều khiển xe đến gửi tại nhà giữ xe bên trái cổng chính của Bệnh viện đa khoa khu vực B Quảng Bình do ông Nguyễn B là người trong giữ nhằm cất giấu tài sản, đợi đến thời điểm thuận lợi thì đem về nhà cho con trai sử dụng. Đến ngày 05/01/2019, sau khi tiếp nhận tin báo về tội phạm của ông Nguyễn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã phát hiện và tạm giữ chiếc xe máy điện biển kiểm soát 73MĐ4 - 020.94.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL - HĐ ngày 09/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Trạch kết luận: 01 chiếc xe máy điện, nhãn hiệu DK, số loại ROMA, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 73MDD4 - 020.94 có giá trị tại thời điểm tháng 11/2018 là 7.800.000 đồng.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị hại là ông Nguyễn N 01 xe máy điện biển kiểm soát 73MDD4- 020.94, nhãn hiệu DK, số loại ROMA, màu sơn Đỏ, số máy 161113584, số khung 711042.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn N đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và cam kết không khiếu nại, khiếu kiện về phần dân sự. Ngoài ra, người bị hai có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 14/CT- VKSQT ngày 05/4/2019 của Viện kiểm sát nhân huyện Quảng Trạch đã truy tố bị cáo Phạm Thị Hải N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và Nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51và Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự miễn xét và tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo phát biểu lời bào chữa: Nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều, khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội mang tính tự phát, hiểu biết pháp luật hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo Phạm Thị Hải N nhất trí như quan điểm bào chữa của người bào chữa. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin hứa sẽ không tái phạm nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để có điều kiện làm ăn kinh tế, chăm lo cho gia đình và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Hải N đã khai nhận vào khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 24/11/2018 khi đang bán mật ong tại chợ Q, huyện Q thì có ông Nguyễn N đến ngồi chơi tại quầy, thấy chìa khóa xe máy điện của ông N rơi cạnh vị trí ngồi, N đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe của ông Nguyễn N, nên N đã nhặt chìa khóa và nói với ông N "Nhờ ông xem quầy tui cái để tui đi mua đồ", khi đi ra khỏi quầy bán hàng của mình, lợi dụng lúc ông N không để ý, mất cảnh giác nên bị cáo đã đến chỗ ông Ndựng xe, lén lút dùng chìa khoá xe nhặt được của ông N rồi mở khoá dắt trộm xe máy điện của ông N nhằm mục đích đưa về cho con trai sử dụng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 7.800.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thị Hải N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát Ndân huyện Quảng Trạch, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời bào chữa cho bị cáo, lời khai nhận tội của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người đã có gia đình và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên có khả năng nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng do nhu cầu cá nhân, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện, lười lao động nên bất chấp đạo đức, pháp luật để tìm cách chiếm đoạt trái phép tài sản của ông N. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của ông N được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự, trị an xã hội, gây bất bình cho người dân trên địa bàn. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và Nthân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mẹ của bị cáo là người tham gia dân công hoả tuyến được sở lao đông thương binh xã hội tỉnh Quảng Bình chứng nhận được

hưởng chính sách như thương binh; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình; gia đình bị cáo có hai con còn nhỏ, hoàn cảnh khó khăn nên thuộc diện hộ nghèo của phường Q, thị xã B năm 2018, nên cần áp dụng những tình tiết quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên có khả năng tự tu dưỡng, rèn luyện, cải tạo bản thân tại địa phương. Vì vậy, cần chấp nhận mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét gia đình bị cáo có hai con còn nhỏ, hoàn cảnh khó khăn, thuộc diện hộ nghèo của phường Q, thị xã B nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất trộm. Tại phiên toà không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảng sát điều tra đã xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe máy điện, nên đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp. Tại phiên toà không ai có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Liên quan trong vụ án này có bà Lê Thị Y và ông Nguyễn B là người nhận gửi tài sản chiếc xe máy điện mà bị cáo N đã trộm cắp đưa đến gửi. Tuy nhiên, khi nhận gửi xe của bị cáo bà Y và ông B đều không biết chiếc xe máy điện là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên hành vi của bà Lê Thị Y và ông Nguyễn B không cấu thành tội phạm "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Buộc bị cáo Phạm Thị Hải N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Thị Hải N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hải N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Hải N cho Uỷ ban Ndân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị Hải N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị Hải N phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND phường Quảng Phong;
- Bị cáo, người TGTT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Viết Hải

- Lưu HSVA.